

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST
Ngày: 31-01-2018
V/v tranh chấp về hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thanh Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành**
2. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Lệ Trinh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- 1.1. Bà **Trương Thị C**, sinh năm: 1955; (có mặt)
- 1.2. Bà **Võ Thị Thu S**, sinh năm: 1976; (có mặt)
- 1.3. Bà **Phạm Thị Nguyệt A**, sinh năm: 1959; (có mặt)
- 1.4. Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm: 1976; (có mặt)
- 1.5. Ông **Phạm Văn H**, sinh năm: 1932; (có mặt)
- 1.6. Bà **Lê Thị E**, sinh năm: 1941;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị E: Bà **Phạm Thị Nguyệt A**, sinh năm: 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- 2.1. Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1969. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 2.2. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1966. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị U là vợ chồng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi cùng ngày 31/7/2017, cùng ngày 15/7/2017, ngày 08/8/2017, ngày 14/8/2017, các bản tự khai và tại phiên tòa các nguyên đơn bà Trương Thị C, bà Võ Thị Thu S, bà Phạm Thị Nguyệt A, bà Nguyễn Thị Q, ông Phạm Văn H, bà Lê Thị E do bà Phạm Thị Nguyệt A đại diện cùng trình bày:

Bà Phạm Thị Nguyệt A có tham gia tổng cộng 08 dây hụi do bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/01/2014 âm lịch, gồm 25 phần, bà tham gia 01phần, đóng được 21 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là: $3.500.000 \text{ đồng/tháng} \times 21 \text{ kỳ} \times 01 \text{ phần} = 73.500.000 \text{ đồng}$.

Dây 2: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/3/2013 âm lịch, gồm 33 phần, bà tham gia 02phần, đóng được 32 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là: $1.400.000 \text{ đồng/tháng} \times 32 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} = 89.600.000 \text{ đồng}$.

Dây 3: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 30/3/2014 âm lịch, gồm 28 phần, bà tham gia 01phần, đóng được 19 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là: $1.400.000 \text{ đồng/tháng} \times 19 \text{ kỳ} \times 01 \text{ phần} = 26.600.000 \text{ đồng}$.

Dây 4: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/5/2013 âm lịch, gồm 34 phần, bà tham gia 01phần, đóng được 31 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là: $700.000 \text{ đồng/tháng} \times 31 \text{ kỳ} \times 01 \text{ phần} = 21.700.000 \text{ đồng}$.

Dây 5: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 10/11/2013 âm lịch, gồm 31 phần, bà tham gia 02phần, đóng được 24 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là: $700.000 \text{ đồng/tháng} \times 24 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} = 33.600.000 \text{ đồng}$.

Dây 6: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 10/3/2014 âm lịch, gồm 30 phần, bà tham gia 02phần, đóng được 21 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là: $700.000 \text{ đồng/tháng} \times 21 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} = 29.400.000 \text{ đồng}$.

Dây 7: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 10/5/2013 âm lịch, gồm 34 phần, bà tham gia 01phần, đóng được 30 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là: $1.400.000 \text{ đồng/tháng} \times 30 \text{ kỳ} \times 01 \text{ phần} = 42.000.000 \text{ đồng}$.

Dây 8: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 20/9/2014 âm lịch, gồm 32 phần, bà tham gia 02phần, đóng được 13 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là: $700.000 \text{ đồng/tháng} \times 13 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} = 18.200.000 \text{ đồng}$.

Các dây hụi trên bà chỉ tính trên số tiền gốc trung bình đã đóng cho bà U, ông N. Tổng cộng là 334.600.000đồng nhưng hiện tại bà chỉ yêu cầu vợ chồng bà U, ông N trả cho bà số tiền hụi theo đơn khởi kiện là 308.350.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Q có tham gia tổng cộng 05 dây hụi do bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Loại hụi 1.000.000 đồng/1/2tháng, hụi khai ngày 05/12/2014 âm lịch, hụi khai mỗi tháng 02 kỳ, gồm 34 phần, bà tham gia 04phần, đóng được 22 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là: $700.000 \text{ đồng/1/2tháng} \times 22 \text{ kỳ} \times 04 \text{ phần} = 61.600.000 \text{ đồng}$.

Dây 2: Loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/7/2014 âm lịch, gồm 24 phần, bà tham gia 01phần, đóng được 17 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là $3.500.000 \text{ đồng/tháng} \times 17 \text{ kỳ} \times 01 \text{ phần} = 59.500.000 \text{ đồng}$.

Dây 3: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/7/2014 âm lịch, gồm 26 phần, bà tham gia 02phần, đóng được 18kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là $700.000 \text{ đồng/tháng} \times 18 \text{ kỳ} \times 02\text{phần} = 25.200.000 \text{ đồng}$.

Dây 4: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/11/2013 âm lịch, gồm 32 phần, bà tham gia 02phần, đóng được 24kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là $700.000 \text{ đồng/tháng} \times 24 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} = 33.600.000 \text{ đồng}$.

Dây 5: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/12/2014 âm lịch, gồm 26 phần, bà tham gia 01phần, đóng được 12kỳ, trung bình mỗi kỳ bà đóng là $1.400.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ kỳ} \times 01 \text{ phần} = 16.800.000 \text{ đồng}$.

Các dây hụi trên bà chỉ tính trên số tiền gốc trung bình đã đóng cho bà U, ông N. Tổng cộng là 196.700.000đồng nhưng hiện tại bà chỉ yêu cầu vợ chồng bà U, ông N trả cho bà số tiền hụi theo đơn khởi kiện là 175.430.000đồng.

Bà Lê Thị E do bà Phạm Thị Nguyệt A đại diện trình bày, bà E có tham gia tổng cộng 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 10/6/2013 âm lịch, gồm 35 phần, bà tham gia 01phần, đóng được 34 kỳ, mỗi kỳ bà đóng đến khi mãn hụi là $1.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 34\text{kỳ} \times 01\text{phần} = 34.000.000 \text{ đồng}$.

Dây 2: Loại hụi 1.000.000 đồng/1/2tháng, hụi khai ngày 25/02/2014 âm lịch, mỗi tháng khai 02 lần, gồm 35 phần, bà tham gia 01phần, đóng được 34 kỳ, mỗi kỳ bà đóng đến khi mãn hụi là $1.000.000 \text{ đồng/1/2tháng} \times 34\text{kỳ} \times 01 \text{ phần} = 34.000.000 \text{ đồng}$.

Dây 3: Loại hụi 1.000.000 đồng/1/2tháng, hụi khai ngày 10/6/2014 âm lịch, mỗi tháng khai 02 lần, gồm 35 phần, bà tham gia 01phần, đóng được 34kỳ, mỗi kỳ bà đóng đến khi mãn hụi là $1.000.000 \text{ đồng/1/2tháng} \times 34\text{kỳ} \times 01 \text{ phần} = 34.000.000 \text{ đồng}$.

Theo đơn khởi kiện bà E yêu cầu trả số tiền nợ hụi là 105.000.000đồng, hiện tại bà E chỉ yêu cầu bà U, ông N trả số tiền là 102.000.000đồng.

Ông Phạm Văn H có tham gia tổng cộng 02 dây hụi do bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 10/11/2013, gồm 34 phần, ông tham gia 03 phần, đóng được 26 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng là: 700.000 đồng/tháng x 26 kỳ x 03 phần = 54.600.000 đồng.

Dây 2: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 10/3/2014, gồm 31 phần, ông tham gia 03 phần, đóng được 21 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng là: 700.000 đồng/tháng x 21 kỳ x 03 phần = 44.100.000 đồng. Ông H yêu cầu bà U, ông N trả tổng cộng số tiền hụi là 98.700.000 đồng.

Bà Trương Thị C có tham gia tổng cộng 06 dây hụi do bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 30/8/2012 âm lịch, gồm 36 phần, bà tham gia 02 phần, đóng được 34 kỳ, mỗi kỳ bà đóng đến khi mãn hụi là 1.000.000 đồng/tháng x 34 kỳ x 02 phần = 68.000.000 đồng, tháng 10/2015 bà U có trả cho bà được 40.000.000 đồng. Hiện tại dây hụi này còn nợ lại bà là 28.000.000 đồng.

Dây 2: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/7/2012 âm lịch, gồm 38 phần, bà tham gia 02 phần, đóng được 36 kỳ, mỗi kỳ bà đóng đến khi mãn hụi là 2.000.000 đồng/tháng x 36 kỳ x 02 phần = 144.000.000 đồng.

Dây 3: Loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/7/2014 âm lịch, cụ thể bao nhiêu phần bà không biết vì bà U nói sẽ thông báo sau nhưng sau đó bà U vẫn không thông báo cho bà biết, bà tham gia 02 phần, đóng được 10 kỳ, bà đóng tiền hụi gốc tổng cộng mỗi phần là 38.200.000 đồng x 02 phần = 76.400.000 đồng.

Dây 4: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 30/3/2014 âm lịch, gồm 33 phần, bà tham gia 02 phần, đóng được 15 kỳ, bà đóng tiền hụi gốc tổng cộng mỗi phần là 21.550.000 đồng x 02 phần = 43.100.000 đồng.

Dây 5: Loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 25/4/2013 âm lịch, gồm 28 phần, bà tham gia 02 phần, đóng được 26 kỳ, mỗi kỳ bà đóng đến khi mãn hụi là 5.000.000 đồng/tháng x 26 tháng x 02 phần = 260.000.000 đồng.

Dây 6: Loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 10/01/2015 âm lịch, cụ thể bao nhiêu phần bà không biết vì bà U nói sẽ thông báo sau nhưng sau đó bà U vẫn không thông báo cho bà biết, bà tham gia 02 phần, bà đóng tiền hụi gốc tổng cộng mỗi phần là 14.100.000 đồng x 02 phần = 28.200.000 đồng.

Bà Trương Thị Ch yêu cầu bà U, ông N trả tổng cộng số tiền nợ hụi là 579.700.000 đồng.

Bà Võ Thị Thu S có tham gia tổng cộng 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 30/4/2013 âm lịch, gồm 33 phần, bà tham gia 04 phần, đóng được 29 kỳ, mỗi kỳ bà đóng đến khi mãn hụi là 5.000.000 đồng/tháng x 29 kỳ x 04 phần = 580.000.000 đồng.

Dây 2: Loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 05/8/2013 âm lịch, gồm 27 phần, bà tham gia 02 phần, đóng được 25 kỳ, mỗi kỳ bà đóng đến khi mãn hụi là 5.000.000 đồng/tháng x 25 kỳ x 02 phần = 250.000.000 đồng.

Dây 3: Loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/4/2014 âm lịch, gồm 24 phần, bà tham gia 02 phần, đóng được 17 kỳ, bà đóng tiền hụi gốc tổng cộng mỗi phần là 56.050.000 đồng/phần x 02 phần = 112.100.000 đồng.

Bà Võ Thị Thu S yêu cầu bà U, ông N trả tổng cộng số tiền nợ hụi là 942.100.000 đồng.

Khoảng tháng 3/2016, các nguyên đơn có nộp đơn khởi kiện vợ chồng bà U, ông N yêu cầu trả số tiền nợ hụi nhưng đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện C có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Hiện tại, các nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện bà U, ông N tại Tòa án.

Khi tham gia chơi hụi, bà U có ký nhận vào sổ theo dõi của các hụi viện, và các kỳ đóng hụi. Hiện tại các dây hụi này đều đã mãn nhưng các nguyên đơn đều chưa hốt vì khoảng tháng 10/2015 âm lịch, bà U bị vỡ hụi. Theo các nguyên đơn được biết bà U dùng số tiền hưởng hoa hồng từ việc làm chủ hụi để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình và nuôi con ăn học, ông N biết việc bà U làm chủ hụi vì việc bà U làm chủ thảo các dây hụi trong một thời gian dài, từ khoảng năm 2002-2003 cho đến khi vỡ hụi và bà U, ông N trong thời gian này đang sống chung với nhau, nên yêu cầu bà U cùng chồng là ông Nguyễn Văn N liên đới trả số tiền nợ hụi nêu trên cho các nguyên đơn cụ thể: Nợ ông Phạm Văn H là 98.700.000 đồng, bà Phạm Thị Nguyệt A là 308.350.000 đồng, bà Nguyễn Thị Q là 175.430.000 đồng, bà Lê Thị E là 102.000.000 đồng, bà Trương Thị C là 579.700.000 đồng và bà Võ Thị Thu S là 942.100.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Trong bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

Khi giao dịch hụi thì bà có khai hụi và giao giấy hụi cho các hụi viên theo dõi quá trình chơi hụi. Hiện các dây hụi đều đã mãn, tháng 11/2015 âm lịch bà bị vỡ hụi. Nay bà đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nhưng trả một lần thì bà không có khả năng vì các hụi viên khác không đóng hụi chết cho bà và do bà vay tiền lãi suất cao, bà đi làm kiếm tiền sẽ trả từ từ cho đến hết số nợ. Riêng chồng bà là ông Nguyễn Văn N không trực tiếp tham gia chơi hụi, tiền hụi là do bà tự làm, tự thu tự chi. Ông N cũng không sử dụng số tiền hụi này nên không có trách nhiệm trả, bà và các hụi viên sẽ tự giải quyết với nhau. Do bận công việc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trương Thị C, bà Võ Thị Thu S, bà Phạm Thị Nguyệt A, bà Nguyễn Thị Q, ông Phạm Văn H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ. Các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trả số nợ hụi nêu trên, trả một lần, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trương Thị C, bà Võ Thị Thu S, bà Phạm Thị Nguyệt A, bà Nguyễn Thị Q, ông Phạm Văn H, bà Lê Thị E do bà Phạm Thị Nguyệt A đại diện khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn H là 98.700.000đồng, bà Phạm Thị Nguyệt A là 308.350.000đồng, bà Nguyễn Thị Q là 175.430.000đồng, bà Lê Thị E là 102.000.000 đồng, bà Trương Thị C là 579.700.000đồng và bà Võ Thị Thu S là 942.100.000 đồng từ số tiền nợ hui và yêu cầu trả một lần. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Xét, bị đơn bà Nguyễn Thị U có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Sáu. Riêng ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu số tiền nợ hui:

Xét, bà Trương Thị C, bà Võ Thị Thu S, bà Phạm Thị Nguyệt A, bà Nguyễn Thị Q, ông Phạm Văn H, bà Lê Thị E do bà Phạm Thị Nguyệt A đại diện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui nêu trên, thấy rằng:

Giữa bà C, bà S, bà A, bà Q, ông H, bà E với bà U, ông N đã xác lập giao dịch về hui là một hình thức giao dịch về tài sản được quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị U đồng ý trả cho bà Ch, bà S, bà A, bà Q, ông H, bà E từ số tiền nợ hui mà các nguyên đơn yêu cầu, nhưng do bà bị vỡ hui nên chưa có khả năng trả cho các hui viên, nguyên nhân do các hui viên khác không đóng hui chết cho bà và do bà vay tiền lãi suất cao, bà đi làm kiếm tiền sẽ trả từ từ cho đến hết số nợ nhưng bà U không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Khi đang trong thời gian chơi hui bà U tuyên bố vỡ hui mặc dù các nguyên

đơn vẫn đóng hui cho bà đầy đủ, bà U đã vi phạm vào hợp đồng các bên đã xác lập nên bà U phải có trách nhiệm trả số tiền nợ hui cho các nguyên đơn.

[2.2] Đối với trách nhiệm trả nợ của ông Nguyễn Văn N:

Bà U cho rằng chồng bà không trực tiếp tham gia chơi, không trực tiếp thu tiền hui cũng như khai hui, tiền hui bà tự làm tự thu tự chi, ông N hoàn toàn không có sử dụng số tiền hui này nên không có trách nhiệm trả. Việc bà U làm chủ hui và nhận tiền đóng hui của các hui viên được thực hiện trong thời kỳ quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà U còn tồn tại. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, buộc ông N phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà U trả nợ cho các nguyên đơn.

[3] Về án phí: Buộc ông N và bà U phải liên đới chịu án phí trên số tiền phải trả cho các nguyên đơn theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hui của ông Phạm Văn H, bà Lê Thị E, bà Trương Thị C, bà Võ Thị Thu S, bà Phạm Thị Nguyệt A và bà Nguyễn Thị Q đối với bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N.

Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn H số tiền 98.700.000đồng (Chín mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Nguyệt A số tiền 308.350.000đồng (Ba trăm lẻ tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 175.430.000đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm ba chục nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị E số tiền 102.000.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị C là 579.700.000đồng (Năm trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Thu S số tiền 942.100.000 đồng (Chín trăm bốn mươi hai triệu, một trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn N phải liên đới chịu 76.125.600đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn H, số tiền 2.467.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000507 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho bà Lê Thị E số tiền 3.375.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000505 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 4.386.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000506 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho bà Trương Thị C số tiền 13.594.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000510 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Thu S số tiền 20.134.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000509 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Nguyệt A số tiền 7.708.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000503 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự, có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung